

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Huyền.
- Ông Nguyễn Văn Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-DS ngày 14/5/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963; cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; cùng cư trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Vào ngày 15/01/2021 bà có cho vợ chồng ông M, bà B vay 400.000.000 đồng để mua nhà cho con gái là Nguyễn Thị H. Nhà đất tọa lạc tại tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Thời hạn vay: 02 hoặc 03 tháng, vợ chồng ông M có trách nhiệm trả hết nợ theo lãi suất của quỹ tín dụng.

Ngày 13/3/2023, vợ chồng bà M và ông B tiếp tục vay của bà S 15.000.000 đồng. Thoả thuận bằng lời nói là 01 tháng sau sẽ trả đủ cả hai khoản tiền tổng cộng 45.000.000 đồng. Đến ngày 13/4/2023 ông M và bà B vẫn không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông M, bà B, chị H và anh N (chồng chị H) cùng trả 45.000.000 đồng và tiền lãi đã thoả thuận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày.

Ông M thừa nhận có vay tiền 02 lần như bà S trình bày nhưng khoản vay không liên quan đến con gái Nguyễn Thị H nên đồng ý 2 vợ chồng ông trả nợ vay cho bà S 45.000.000 đồng, không đồng ý tiền lãi vì đã trả lãi cho bà S nhiều lần. Việc trả lãi không làm giấy tờ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B thống nhất trình bày của ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị thống nhất trình bày của cha mẹ là ông M và bà B, chị không đồng ý cùng trả nợ cho bà S.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà S trình bày số nợ 30.000.000 đồng do ông M và bà B vay lại sau khi đã trả khoản nợ của giấy nợ thứ nhất 400.000.000 đồng, ngày vay là 02/6/2022, lãi suất tính theo lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân T. Bà S đã nhận được 04 lần, mỗi lần 750.000 đồng tiền lãi từ ông M, bà B. Còn khoản vay 15.000.000 đồng chưa nhận phần tiền lãi nào. Bà đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật, không yêu cầu tính lãi 5%/tháng như trong đơn khởi kiện.

Ông M và bà B trình bày: Ông bà thừa nhận khoản vay thứ nhất 30.000.000 đồng do 2 vợ chồng vay, ngày tháng năm không nhớ, lãi suất thoả thuận theo lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân T.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà S, buộc ông M, bà B có nghĩa vụ trả cho bà S 45.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định; không chấp nhận yêu cầu của bà S yêu cầu chị H cùng trả nợ; ông M và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên ông M là người cao tuổi nên được xét miễn phần án phí của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S:

[2.1] Việc bà S yêu cầu đưa chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành N1 (là chồng của chị Nguyễn Thị H) tham gia tố tụng tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; giấy nợ có chữ ký của chị H, không có chữ kí của anh N1 và không còn chứng cứ nào liên quan đến anh N1. Bà S không chứng minh được anh N1 có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ kiện tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do đó Hội đồng xét xử không đưa anh N1 tham gia tố tụng, đưa chị H1 tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2.2] Tại phiên tòa, bà S thừa nhận sau khi đến hạn của khoản vay 400.000.000 đồng; ông M và bà B đã vay lại 30.000.000 đồng, không làm giấy tờ, ngày vay là 02/6/2022. Ông M và bà B thừa nhận còn nợ 30.000.000 đồng. Do đó buộc ông M và bà B trả cho bà S 30.000.000 đồng. Các bên thống nhất tiền lãi theo mức lãi suất 0.89%/tháng (của Quỹ tín dụng), tiền lãi được tính từ ngày 02/6/2022 đến nay Tiền lãi được tính là: $30.000.000 \times 0.89\%/tháng \times 26$ tháng 11 ngày = 7.039.900 đồng. Khấu trừ 04 lần nhận tiền lãi, mỗi lần 750.000 đồng theo sự thừa nhận bà S. Tiền lãi còn phải trả là 4.039.900 đồng.

[2.3] Ghi nhận bà S và ông M thống nhất về khoản vay 15.000.000 đồng ngày 13/3/2023, tính đến ngày xét xử 13/8/2023 (17 tháng) nhưng không thống nhất về lãi suất nên căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất là 0.83%/tháng. Tiền lãi là: $15.000.000 \times 0.83\%/tháng \times 17$ tháng = 2.116.500 đồng.

Tổng cộng tiền gốc là 45.000.000 đồng, tiền lãi là 6.156.400 đồng; tổng gốc và lãi là 51.156.400 đồng, làm tròn là 51.156.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông M và bà B phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà S được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên ông M là người cao tuổi và có đơn nên được xét miễn phần án phí của ông M; riêng bà B tiếp tục chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 45.000.000 đồng, tiền lãi 5.156.000 đồng; tổng cộng 51.156.000 (năm mươi một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S yêu cầu chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cùng trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải chịu 1.279.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông M được miễn án phí dân sự sơ thẩm, bà B tiếp tục nộp 1.279.000 (một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh

